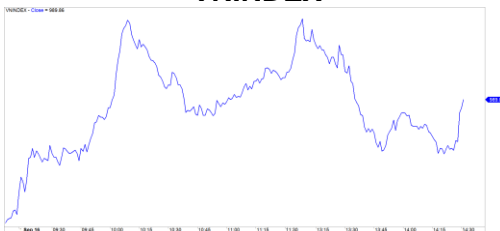


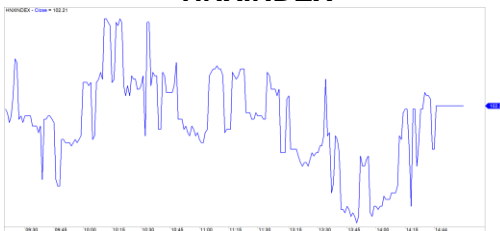
Diễn biến thị trường trong phiên			
Rating	VNI	HNI	UPCOM
<b>Điểm</b>	989.86	102.21	56.54
% ngày	0.27%	0.01%	-0.32%
% tuần	1.62%	1.35%	0.09%
% tháng	1.01%	-0.14%	-1.75%
% năm	-0.15%	-9.84%	8.84%
<b>GTGD (Tỷ VND)</b>			
Trong ngày	4,342	461	210
TB 1 tuần	3,851	414	287
TB 1 tháng	3,879	362	403
<b>Khối ngoại (Tỷ VND)</b>			
Mua	526.32	3.85	27.51
Bán	566.90	9.54	22.73
Giá trị ròng	-40.58	-5.69	4.79
<b>Độ rộng TT</b>			
Mã Tăng	150	66	193
Mã Giảm	141	72	84
Không Đổi	95	230	623
<b>Chỉ số chính</b>			
P/E	16.64	9.03	18.53
Vốn hóa			
TT (ngàn tỷ)	3,341	187	969
LS Cổ tức	1.41%	4.55%	5.03%

Nguồn: Bloomberg – YSVN

### VNINDEX



### HNIINDEX



## DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG

Sắc xanh duy trì ở các chỉ số chính nhưng xung lực tăng có dấu hiệu chững lại. VN-Index tăng 0.27% dừng tại 989.86 điểm. Chỉ số HNX-Index nhích thêm 0.02% đóng cửa tại 102.21 điểm trong khi Upcom-Index giảm 0.32% neo tại 56.54 điểm. Dòng tiền tiếp tục tham gia tích cực với hơn 3,500 tỷ đồng khớp lệnh trên cả ba sàn.

Nhóm Ngân hàng đối diện với áp lực chốt lời ngắn hạn khi chỉ HDB(+1.2%) có mức tăng đáng chú ý. BID, MBB cũng bị bán ở vùng giá cao đóng cửa thu ngắn mức tăng còn 0.4% mỗi mã trong khi VCB, CTG, TCB giảm nhẹ. Nhóm Dầu khí hưởng lợi từ đà tăng của giá dầu thế giới giúp GAS(+2.4%), PVD(+2.6%), PVB(+2.5%), PVS(+3.6%) tăng khá. Dòng tiền tiếp tục xoay vòng với tâm điểm là nhóm Mid-Cap như ASM(+5.9%), BMP(+3.2%), DRC(+3.9%), HCM(+2.3%), TCH(+3.3%). KDH bất ngờ tăng mạnh khi chạm trần trong phiên đóng cửa tại 25,500 đồng/cp tăng 6.5%.

Khối ngoại tiếp tục bán ròng phiên thứ 4 liên tiếp với hơn 41 tỷ đồng trên cả ba sàn. VNM(36.9 tỷ), VRE(28.6 tỷ) là những mã quen thuộc dẫn đầu danh sách bán ròng. Ở chiều ngược lại, VJC được rót ròng với 59.7 tỷ đồng theo sau bởi HPG khi được mua ròng 36.4 tỷ đồng.

## QUAN ĐIỂM THỊ TRƯỜNG NGẮN HẠN

Chúng tôi cho rằng chỉ số VN-Index có thể sẽ biến động trong vùng giá 980 – 990 điểm. Đồng thời, chúng tôi đánh giá dòng tiền ngắn hạn có thể sẽ tiếp tục được cải thiện trong ngắn hạn và dòng tiền có thể sẽ lan tỏa giữa các nhóm cổ phiếu. Điểm tích cực chúng tôi nhận thấy là nhóm cổ phiếu Midcaps thu hút dòng tiền và có thể sẽ bước vào giai đoạn biến động mạnh theo chiều hướng tích cực. Ngoài ra, tỷ trọng cổ phiếu tiếp tục tăng mạnh cho thấy cơ hội giải ngân mới tiếp tục gia tăng.

Hệ thống chỉ báo xu hướng của chúng tôi vẫn duy trì mức TĂNG xu hướng ngắn hạn trên các chỉ số với mức hỗ trợ ở mức 966.12 điểm của chỉ số VN-Index và 99.30 điểm của chỉ số HNX-Index. Do đó, chúng tôi khuyến nghị các nhà đầu tư ngắn hạn có thể tận dụng nhịp điều chỉnh để gia tăng tỷ trọng cổ phiếu.

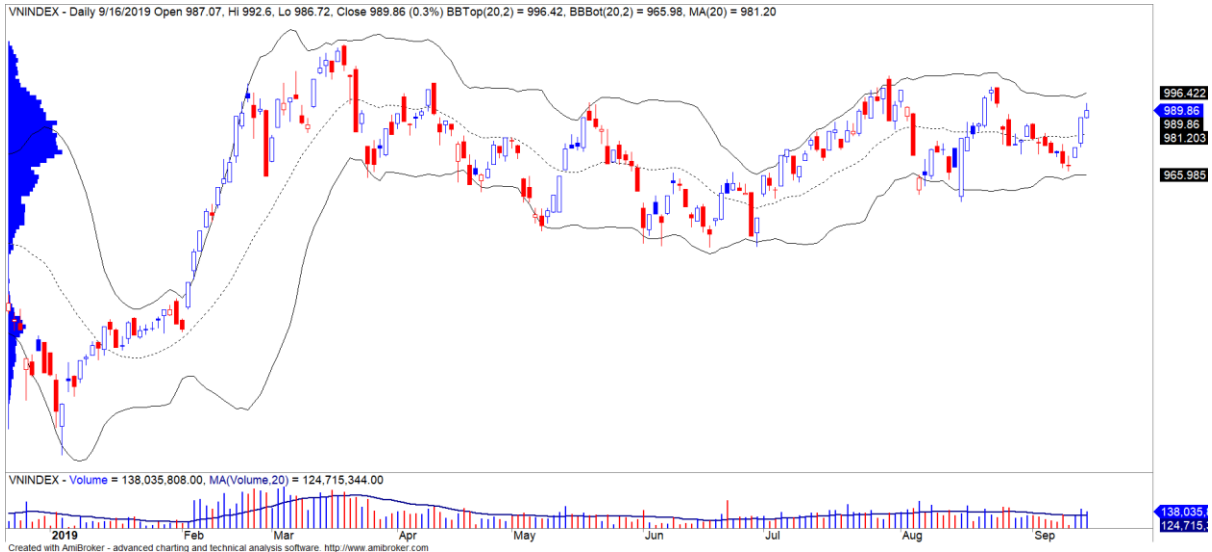
**Tỷ trọng khuyến nghị ngắn hạn: 45% cổ phiếu/55% tiền.**

(Bảng đánh giá xu hướng của các cổ phiếu theo dõi được cập nhật ở trang sau).



We Create Fortune

## BIỂU ĐỒ PHÂN TÍCH KỸ THUẬT



Diễn biến thị trường của chỉ số VN-Index



Diễn biến thị trường của chỉ số HNX-Index

Chỉ số	Xu hướng ngắn hạn	Xu hướng trung hạn	Mức kháng cự 1	Mức kháng cự 2	Mức hỗ trợ 1	Mức hỗ trợ 2
Chỉ số VN-Index	TĂNG	TĂNG	988	1,000	965	953
Chỉ số HNX-Index	TĂNG	GIẢM	102.5	108	100	90
Chỉ số VN30	TĂNG	TĂNG	895	935	877	863
Chỉ số VNMidcaps	TĂNG	TĂNG	992	1,030	969	963
Chỉ số VNSmallcaps	GIẢM	TĂNG	835	845	822	804

We Create Fortune

**BẢNG THEO DÕI XU HƯỚNG CÁC CỔ PHIẾU**

CP	Giá	Xu hướng ngắn hạn	Xu hướng trung hạn	Giá mua ngắn hạn	Mức cắt lỗ ngắn hạn	%LN ngắn hạn tạm tính	Tín hiệu ngắn hạn	Giá mua trung hạn	Mức cắt lỗ trung hạn	%LN trung hạn tạm tính	Tín hiệu trung hạn
AAA	15.95	GIẢM	GIẢM		16.64				17.82		
ACB	22.40	TĂNG	GIẢM	22.70	21.54	-1.32%			23.85		
ACV	75.80	TĂNG	GIẢM	75.80	75.35	0.00%	MUA		88.38		
ANV	25.30	TĂNG	GIẢM	25.45	24.41	-0.59%			27.58		
ASM	6.30	TĂNG	GIẢM	6.30	6.15	0.00%	MUA		6.85		
BFC	14.55	GIẢM	GIẢM		15.36				17.44		
BID	40.00	TĂNG	TĂNG	32.65	37.66	22.51%		33.40	34.67	19.76%	
BMP	51.80	TĂNG	TĂNG	51.80	50.85	0.00%	MUA	48.30	45.44	7.25%	
BSR	9.30	GIẢM	GIẢM		9.39				10.95		
BVH	73.80	GIẢM	GIẢM		75.13				83.30		
BWE	25.80	GIẢM	TĂNG		26.55			20.00	25.45	29.00%	
CEO	10.30	TĂNG	GIẢM	10.30	9.79	0.00%			11.12		
CII	20.70	GIẢM	GIẢM		21.17				22.62		
CMG	38.90	GIẢM	TĂNG		39.11			23.20	34.96	67.67%	
CMX	29.70	GIẢM	TĂNG		33.40			5.91	26.88	402.54%	
CSM	14.70	GIẢM	TĂNG		15.10			14.39	14.22	2.15%	
CTD	96.00	TĂNG	GIẢM	97.00	93.14	-1.03%			107.77		
CTG	20.75	TĂNG	GIẢM	20.85	19.80	-0.48%			21.90		
CTI	22.50	GIẢM	GIẢM		23.90				24.64		
CTR	46.90	TĂNG	N/A	46.50	36.56	0.86%		-	N/A		
CVT	21.25	TĂNG	TĂNG	21.25	20.94	0.00%	MUA	20.35	18.94	4.42%	
DCM	8.46	TĂNG	TĂNG	8.47	8.26	-0.12%		8.54	7.92	-0.94%	
DGC	26.50	GIẢM	GIẢM		27.60				31.42		
DGW	23.80	GIẢM	TĂNG		24.24			23.50	21.45	1.28%	
DHA	30.75	GIẢM	GIẢM		33.53			29.10	32.95	13.21%	BÁN
DHC	33.30	TĂNG	GIẢM	33.00	31.72	0.91%			35.33		
DHG	91.30	GIẢM	GIẢM		93.71				102.97		
DIG	14.25	TĂNG	TĂNG	14.25	14.21	0.00%	MUA	13.90	12.65	2.52%	
DPG	44.80	GIẢM	GIẢM		46.36				51.92		
DPM	13.05	GIẢM	GIẢM		13.52				15.07		
DPR	37.80	GIẢM	GIẢM		39.64				45.50		
DQC	18.15	GIẢM	GIẢM		19.27				20.27		
DRC	23.80	TĂNG	TĂNG	22.80	21.55	4.39%		21.60	19.76	10.19%	
DXG	16.65	TĂNG	TĂNG	16.15	15.50	3.10%		15.50	12.67	7.42%	
EIB	16.80	GIẢM	GIẢM		17.44			14.70	16.88	14.83%	BÁN



We Create Fortune

FCN	12.00	GIẢM	GIẢM		12.49			13.36		
FMC	27.00	GIẢM	TĂNG		28.33			31.60	26.18	-14.56%
FPT	57.70	TĂNG	TĂNG	45.20	54.38	27.65%		46.00	48.93	25.43%
GAS	103.40	TĂNG	GIẢM	105.20	98.12	-1.71%			109.55	
GEX	22.60	TĂNG	TĂNG	22.20	21.72	1.80%		20.20	19.13	11.88%
GIL	21.20	GIẢM	GIẢM		22.33				24.76	
GMD	27.10	GIẢM	TĂNG		27.92			28.50	26.02	-4.91%
GTN	19.10	GIẢM	TĂNG		20.07			15.00	16.84	27.33%
GVR	13.50	GIẢM	N/A		14.67				N/A	
HAG	4.60	GIẢM	GIẢM		4.92				5.39	
HAX	19.45	GIẢM	TĂNG		20.41			15.75	17.40	23.49%
HBC	13.55	TĂNG	GIẢM	13.70	13.04	-1.09%			15.30	
HCM	22.65	TĂNG	GIẢM	22.15	20.48	2.26%			23.15	
HDB	26.30	TĂNG	GIẢM	26.30	26.11	0.00%	MUA		27.74	
HDC	22.15	TĂNG	TĂNG	22.15	22.01	0.00%	MUA	15.25	18.89	45.25%
HDG	34.30	GIẢM	TĂNG		35.37			35.30	32.61	-2.83%
HNG	16.50	GIẢM	GIẢM		17.77			17.10	16.59	-2.97%
HPG	22.65	TĂNG	GIẢM	22.55	21.58	0.44%			23.96	
HSG	6.42	GIẢM	GIẢM		6.82				7.68	
HT1	15.30	GIẢM	GIẢM		15.88				16.70	
HUT	2.20	TĂNG	GIẢM	2.40	2.17	-8.33%			2.83	
HVN	33.30	GIẢM	GIẢM		34.28				39.71	
KBC	15.70	TĂNG	TĂNG	16.00	15.39	-1.88%		15.35	14.37	2.28%
KDH	25.50	TĂNG	TĂNG	22.90	23.51	11.35%		24.00	22.19	6.25%
KSB	22.25	GIẢM	TĂNG		23.22			23.90	21.11	-6.90%
LCG	9.25	TĂNG	GIẢM	9.60	9.10	-3.65%			10.55	
LDG	10.30	TĂNG	TĂNG	8.18	9.69	25.92%		9.89	8.02	4.15%
LHG	17.05	GIẢM	GIẢM		18.10			19.30	17.32	-10.26%
LPB	7.60	GIẢM	GIẢM		7.76				8.33	
LSS	5.00	GIẢM	GIẢM	5.39	5.01	-6.97%	BÁN		5.78	
MBB	23.40	TĂNG	TĂNG	22.20	22.51	5.41%		21.85	21.21	7.09%
MPC	27.70	GIẢM	GIẢM		29.92				35.00	
MSN	77.80	TĂNG	GIẢM	78.00	74.48	-0.26%			81.93	
MSR	18.40	TĂNG	GIẢM	17.60	17.34	4.55%			18.90	
MWG	123.50	TĂNG	TĂNG	122.40	114.42	0.90%		88.70	108.74	39.23%
NDN	16.80	GIẢM	TĂNG		17.62			13.70	16.27	22.63%
NKG	5.78	GIẢM	GIẢM		6.03				6.85	
NLG	28.80	GIẢM	TĂNG		29.07			28.70	26.73	0.35%
NT2	24.70	GIẢM	GIẢM	25.10	24.87	-0.90%	BÁN		26.43	

We Create Fortune

NTL	22.80	GIẢM	GIẢM		23.61			27.16			
NVL	61.80	GIẢM	GIẢM		63.39			62.33			
OIL	11.30	GIẢM	GIẢM		11.50			12.38			
PAC	28.00	GIẢM	GIẢM		28.68			31.56			
PC1	21.40	TĂNG	TĂNG	17.45	20.08	22.64%		21.10	16.28	1.42%	MUA
PDR	26.60	GIẢM	TĂNG		26.78			29.00	25.01	-8.28%	
PHR	54.10	GIẢM	GIẢM		59.08			73.93			
PLX	62.60	TĂNG	TĂNG	62.60	62.16	0.00%	MUA	62.40	59.59	0.32%	
PNJ	82.30	GIẢM	TĂNG		82.61			104.00	78.69	-20.87%	
POW	12.70	GIẢM	GIẢM		12.78			14.42			
PVT	17.95	TĂNG	TĂNG	18.20	16.99	-1.37%		18.30	16.28	-1.91%	
PPC	25.50	GIẢM	GIẢM		26.33			29.10			
PTB	69.80	GIẢM	TĂNG		71.13			64.00	64.57	9.06%	
PVB	20.90	GIẢM	TĂNG		21.29			20.10	19.27	3.98%	
PVD	18.05	GIẢM	TĂNG		18.31			18.10	15.86	-0.28%	
PVI	33.60	GIẢM	GIẢM		34.79			38.65			
PVS	20.20	GIẢM	GIẢM		20.66			23.52			
PXS	5.09	GIẢM	GIẢM		5.45			6.13			
QNS	30.30	TĂNG	TĂNG	31.20	29.92	-2.88%		33.80	27.77	-10.36%	
REE	36.60	TĂNG	TĂNG	37.15	35.44	-1.48%		33.33	33.81	9.83%	
SAB	264.00	GIẢM	TĂNG		270.34			245.00	257.56	7.76%	
SAM	7.99	TĂNG	TĂNG	7.99	7.95	0.00%	MUA	7.40	7.69	7.97%	
SCR	6.48	GIẢM	GIẢM		6.71			7.11			
SHI	9.45	TĂNG	TĂNG	8.39	8.90	12.63%		6.99	8.30	35.19%	
SJS	16.90	GIẢM	GIẢM		18.05			-	19.89		
SKG	11.15	GIẢM	GIẢM		11.49			12.40			
SSI	21.45	GIẢM	GIẢM		21.56			23.58			
STB	10.35	GIẢM	GIẢM		10.40			11.17			
TCB	22.60	TĂNG	TĂNG	22.65	21.42	-0.22%		22.65	22.22	-0.22%	MUA
TCM	22.20	GIẢM	GIẢM		22.72			26.03			
TDH	10.30	TĂNG	TĂNG	9.40	9.67	9.57%		10.15	9.06	1.48%	
TLH	4.55	GIẢM	GIẢM		4.80			5.13			
TNG	17.70	GIẢM	GIẢM		18.87			20.94			
VCB	81.00	TĂNG	TĂNG	80.00	77.88	1.25%		62.00	73.39	30.65%	
VCG	26.60	TĂNG	TĂNG	27.00	25.76	-1.48%		19.20	24.08	38.54%	
VCS	91.90	TĂNG	TĂNG	87.80	82.19	4.67%		68.00	78.29	35.15%	
VGC	19.55	TĂNG	GIẢM	19.25	18.75	1.56%		20.53			
VGT	8.90	TĂNG	GIẢM	8.90	8.27	0.00%		9.90			
VHC	78.00	TĂNG	GIẢM	80.80	75.84	-3.47%		87.89			

We Create Fortune

VHM	88.50	TĂNG	TĂNG	87.30	85.77	1.37%		90.20	79.23	-1.88%	
VIB	17.50	GIẢM	TĂNG		17.87			17.70	16.40	-1.13%	
VIC	122.80	TĂNG	TĂNG	126.10	120.57	-2.62%		112.00	113.76	9.64%	
VIP	4.99	GIẢM	GIẢM		5.14				5.48		
VJC	140.50	TĂNG	TĂNG	134.50	134.37	4.46%		124.50	124.16	12.85%	
VND	14.10	TĂNG	GIẢM	14.10	14.07	0.00%	MUA		15.06		
VNG	20.90	TĂNG	TĂNG	19.10	20.36	9.42%		20.20	18.89	3.47%	
VNM	121.50	TĂNG	GIẢM	124.00	118.33	-2.02%			130.37		
VPB	20.70	TĂNG	TĂNG	19.10	19.72	8.38%		20.30	18.32	1.97%	
VPI	41.50	TĂNG	TĂNG	42.20	40.42	-1.66%		41.30	39.27	0.48%	
VRC	16.00	TĂNG	GIẢM	15.30	15.42	4.58%			16.26		
VRE	34.00	GIẢM	TĂNG		34.85			35.00	33.61	-2.86%	
VSC	28.15	GIẢM	GIẢM		29.62				31.41		

### BẢNG THEO DÕI XU HƯỚNG NHÓM CỔ PHIẾU LARGE CAPS

CP	Giá	Xu hướng ngắn hạn	Xu hướng trung hạn	Giá mua ngắn hạn	Mức cắt lỗ ngắn hạn	%LN ngắn hạn tạm tính	Tín hiệu ngắn hạn	Giá mua trung hạn	Mức cắt lỗ trung hạn	%LN trung hạn tạm tính	Tín hiệu trung hạn
ACB	22.40	TĂNG	GIẢM	22.70	21.54	-1.32%			23.85		
BID	40.00	TĂNG	TĂNG	32.65	37.66	22.51%		33.40	34.67	19.76%	
BSR	9.30	GIẢM	GIẢM		9.39				10.95		
BVH	73.80	GIẢM	GIẢM		75.13				83.30		
CTG	20.75	TĂNG	GIẢM	20.85	19.80	-0.48%			21.90		
EIB	16.80	GIẢM	GIẢM		17.44			14.70	16.88	14.83%	BÁN
FPT	57.70	TĂNG	TĂNG	45.20	54.38	27.65%		41.00	48.93	40.74%	
GAS	103.40	TĂNG	GIẢM	105.20	98.12	-1.71%			109.55		
HDB	26.30	TĂNG	GIẢM	26.30	26.11	0.00%	MUA		27.74		
HNG	16.50	GIẢM	GIẢM		17.77			17.10	16.59	-2.97%	BÁN
HPG	22.65	TĂNG	GIẢM	22.55	21.58	0.44%			23.96		
HVN	33.30	GIẢM	GIẢM		34.28				39.71		
KDH	25.50	TĂNG	TĂNG	22.90	23.51	11.35%		24.00	22.19	6.25%	
MBB	23.40	TĂNG	TĂNG	22.20	22.51	5.41%		21.27	21.21	10.01%	
MSN	77.80	TĂNG	GIẢM	78.00	74.48	-0.26%			81.93		
MWG	123.50	TĂNG	TĂNG	122.40	114.42	0.90%		88.70	108.74	39.23%	
NVL	61.80	GIẢM	GIẢM		63.39				62.33		
OIL	11.30	GIẢM	GIẢM		11.50				12.38		
PLX	62.60	TĂNG	TĂNG	62.60	62.16	0.00%	MUA	59.97	59.59	4.38%	
PNJ	82.30	GIẢM	TĂNG		82.61			77.88	78.69	5.67%	

We Create Fortune

POW	12.70	GIẢM	GIẢM		12.78			14.42		
PVS	20.20	GIẢM	GIẢM		20.66			23.52		
QNS	30.30	TĂNG	TĂNG	31.20	29.92	-2.88%		33.80	27.77	-10.36%
REE	36.60	TĂNG	TĂNG	37.15	35.44	-1.48%		33.33	33.81	9.83%
ROS	27.00	TĂNG	GIẢM	27.50	25.24	-1.82%		29.25		
SSI	21.45	GIẢM	GIẢM		21.56			23.58		
STB	10.35	GIẢM	GIẢM		10.40			11.17		
TCB	22.60	TĂNG	TĂNG	22.65	21.42	-0.22%		22.65	22.22	-0.22%
TPB	22.50	GIẢM	GIẢM		22.67			N/A		
VCB	81.00	TĂNG	TĂNG	80.00	77.88	1.25%		62.00	73.39	30.65%
VCG	26.60	TĂNG	TĂNG	27.00	25.76	-1.48%		18.44	24.08	44.24%
VEA	53.20	GIẢM	GIẢM		54.93			N/A		
VGI	31.50	GIẢM	GIẢM		33.18			N/A		
VHM	88.50	TĂNG	TĂNG	87.30	85.77	1.37%		90.20	79.23	-1.88%
VIB	17.50	GIẢM	TĂNG		17.87			17.70	16.40	-1.13%
VIC	122.80	TĂNG	TĂNG	126.10	120.57	-2.62%		112.00	113.76	9.64%
VJC	140.50	TĂNG	TĂNG	134.50	134.37	4.46%		124.50	124.16	12.85%
VNM	121.50	TĂNG	GIẢM	124.00	118.33	-2.02%		130.37		
VPB	20.70	TĂNG	TĂNG	19.10	19.72	8.38%		20.30	18.32	1.97%
VRE	34.00	GIẢM	TĂNG		34.85			34.00	33.61	0.01%

### BẢNG THEO DÕI XU HƯỚNG NHÓM CỔ PHIẾU MIDCAPS

CP	Giá	Xu hướng ngắn hạn	Xu hướng trung hạn	Giá mua ngắn hạn	Mức cắt lỗ ngắn hạn	%LN ngắn hạn tạm tính	Tín hiệu ngắn hạn	Giá mua trung hạn	Mức cắt lỗ trung hạn	%LN trung hạn tạm tính	Tín hiệu trung hạn
AAA	15.95	GIẢM	GIẢM		16.64				17.82		
ANV	25.30	TĂNG	GIẢM	25.45	24.41	-0.59%			27.58		
ASM	6.30	TĂNG	GIẢM	6.30	6.15	0.00%	MUA		6.85		
BMP	51.80	TĂNG	TĂNG	51.80	50.85	0.00%	MUA	48.30	45.44	7.25%	
BWE	25.80	GIẢM	TĂNG		26.55			19.44	25.45	32.72%	
C4G	7.00	GIẢM	GIẢM		7.32				9.13		
CEO	10.30	TĂNG	GIẢM	10.30	9.79	0.00%			11.12		
CII	20.70	GIẢM	GIẢM		21.17				22.62		
CRE	24.80	TĂNG	GIẢM	25.40	24.63	-2.36%			26.06		
CTI	22.50	GIẢM	GIẢM		23.90				24.64		
CTR	46.90	TĂNG	#N/A	46.50	36.56	0.86%		-	#N/A		
DCM	8.46	TĂNG	TĂNG	8.47	8.26	-0.12%		8.54	7.92	-0.94%	
DHC	33.30	TĂNG	GIẢM	33.00	31.72	0.91%			35.33		

We Create Fortune

DIG	14.25	TĂNG	TĂNG	14.25	14.21	0.00%	MUA	13.90	12.65	2.52%	
DPM	13.05	GIẢM	GIẢM		13.52				15.07		
DRC	23.80	TĂNG	TĂNG	22.80	21.55	4.39%		21.60	19.76	10.19%	
DXG	16.65	TĂNG	TĂNG	16.15	15.50	3.10%		15.50	12.67	7.42%	
E1VFN30	15.06	TĂNG	GIẢM	14.62	14.67	3.01%			15.16		
FCN	12.00	GIẢM	GIẢM		12.49				13.36		
FLC	3.63	GIẢM	GIẢM		3.74				4.14		
FTM	4.93	GIẢM	GIẢM		6.58				12.94		
GEG	27.20	TĂNG	TĂNG	22.80	26.63	19.30%		12.90	23.98	110.85%	
GEX	22.60	TĂNG	TĂNG	22.20	21.72	1.80%		20.20	19.13	11.88%	
GMD	27.10	GIẢM	TĂNG		27.92			28.50	26.02	-4.91%	
GTN	19.10	GIẢM	TĂNG		20.07			15.00	16.84	27.33%	
GVR	13.50	GIẢM	#N/A		14.67			-	#N/A		
HAG	4.60	GIẢM	GIẢM		4.92				5.39		
HBC	13.55	TĂNG	GIẢM	13.70	13.04	-1.09%			15.30		
HCM	22.65	TĂNG	GIẢM	22.15	20.48	2.26%			23.15		
HDG	34.30	GIẢM	TĂNG		35.37			35.30	32.61	-2.83%	
HPX	26.35	TĂNG	#N/A	26.60	26.06	-0.94%		-	#N/A		
HSG	6.42	GIẢM	GIẢM		6.82				7.68		
HT1	15.30	GIẢM	GIẢM		15.88				16.70		
IBC	20.35	GIẢM	TĂNG		20.70			24.90	20.15	-18.27%	
IDI	6.34	TĂNG	GIẢM	6.34	6.18	0.00%	MUA		6.98		
IJC	15.45	TĂNG	TĂNG	15.70	14.47	-1.59%		13.10	13.12	17.94%	
ITA	3.21	GIẢM	TĂNG		3.37			3.20	2.96	0.31%	
KBC	15.70	TĂNG	TĂNG	16.00	15.39	-1.88%		15.35	14.37	2.28%	
KSB	22.25	GIẢM	TĂNG		23.22			23.90	21.11	-6.90%	
LDG	10.30	TĂNG	TĂNG	8.18	9.69	25.92%		9.89	8.02	4.15%	
LPB	7.60	GIẢM	GIẢM		7.76				8.33		
MBS	15.20	GIẢM	TĂNG		15.72			16.00	14.25	-5.00%	
MPC	27.70	GIẢM	GIẢM		29.92				35.00		
NBB	19.25	GIẢM	GIẢM		20.61			21.50	19.30	-10.24%	BÁN
NKG	5.78	GIẢM	GIẢM		6.03				6.85		
NLG	28.80	GIẢM	TĂNG		29.07			28.70	26.73	0.35%	
NT2	24.70	GIẢM	GIẢM	25.10	24.87	-0.90%	BÁN		26.43		
NTC	161.10	GIẢM	GIẢM		168.71			120.00	162.94	35.79%	
NTL	22.80	GIẢM	GIẢM		23.61				27.16		
NVB	7.10	GIẢM	GIẢM		7.52				8.10		
OGC	3.83	GIẢM	GIẢM		3.96				4.40		

We Create Fortune

PC1	21.40	TĂNG	TĂNG	17.45	20.08	22.64%		19.30	16.28	10.88%	
PDR	26.60	GIẢM	TĂNG		26.78			23.60	25.01	12.74%	
PHR	54.10	GIẢM	GIẢM		59.08				73.93		
PPC	25.50	GIẢM	GIẢM		26.33				29.10		
PTB	69.80	GIẢM	TĂNG		71.13			60.78	64.57	14.84%	
PVD	18.05	GIẢM	TĂNG		18.31			18.10	15.86	-0.28%	
PVI	33.60	GIẢM	GIẢM		34.79				38.65		
PVT	17.95	TĂNG	TĂNG	18.20	16.99	-1.37%		18.30	16.28	-1.91%	
QCG	4.60	GIẢM	GIẢM		4.88				5.28		
SAM	7.99	TĂNG	TĂNG	7.99	7.95	0.00%	MUA	7.40	7.69	7.97%	
SBT	17.95	TĂNG	TĂNG	16.50	16.72	8.79%		17.50	17.18	2.57%	MUA
SCR	6.48	GIẢM	GIẢM		6.71				7.11		
SHB	6.40	GIẢM	GIẢM		6.45				6.86		
SHS	7.40	TĂNG	GIẢM	7.40	6.32	0.00%	MUA		8.74		
SJS	16.90	GIẢM	GIẢM		18.05				19.89		
STK	21.50	TĂNG	GIẢM	22.10	20.48	-2.71%			24.36		
SZC	17.90	GIẢM	#N/A		19.76			-	#N/A		
TCH	23.60	TĂNG	TĂNG	22.05	22.42	7.03%		22.50	20.22	4.89%	
TCM	22.20	GIẢM	GIẢM		22.72				26.03		
TNG	17.70	GIẢM	GIẢM		18.87				20.94		
TTB	23.90	GIẢM	TĂNG		24.15			24.50	22.71	-2.45%	
VCI	33.30	GIẢM	TĂNG		34.13			36.00	30.78	-7.50%	
VGT	8.90	TĂNG	GIẢM	8.90	8.27	0.00%	MUA		9.90		
VHC	78.00	TĂNG	GIẢM	80.80	75.84	-3.47%			87.89		
VND	14.10	TĂNG	GIẢM	14.10	14.07	0.00%	MUA		15.06		
VNG	20.90	TĂNG	TĂNG	19.10	20.36	9.42%		20.20	18.89	3.47%	
VPI	41.50	TĂNG	TĂNG	42.20	40.42	-1.66%		41.30	39.27	0.48%	

### BẢNG THEO DÕI XU HƯỚNG NHÓM CỔ PHIẾU SMALLCAPS

CP	Giá	Xu hướng ngắn hạn	Xu hướng trung hạn	Giá mua ngắn hạn	Mức cắt lỗ ngắn hạn	%LN ngắn hạn tạm tính	Tín hiệu ngắn hạn	Giá mua trung hạn	Mức cắt lỗ trung hạn	%LN trung hạn tạm tính	Tín hiệu trung hạn
AAV	10.20	GIẢM	#N/A		10.77			16.85	#N/A	#N/A	
AGR	4.69	GIẢM	TĂNG		5.10			3.99	4.34	17.54%	
AMD	1.56	GIẢM	GIẢM		1.62				1.83		
APG	9.30	TĂNG	TĂNG	9.19	8.65	1.20%		9.90	7.90	-6.06%	
ART	1.70	GIẢM	GIẢM		2.00				2.51		
BCC	7.60	GIẢM	GIẢM		7.87				8.78		



We Create Fortune

BCG	7.91	TĂNG	TĂNG	5.82	7.56	35.91%		6.39	6.81	23.79%	
C69	26.20	TĂNG	TĂNG	18.30	23.71	43.17%		5.30	15.71	394.34%	
CCL	10.05	TĂNG	TĂNG	6.38	8.74	57.52%		3.46	7.55	190.46%	
CRC	16.20	GIẢM	TĂNG		17.93			18.90	15.04	-14.29%	
CVT	21.25	TĂNG	TĂNG	21.25	20.94	0.00%	MUA	20.35	18.94	4.42%	
DAG	6.75	GIẢM	TĂNG		6.93			7.09	6.22	-4.80%	
DAH	10.00	GIẢM	GIẢM		11.08				12.52		
DGW	23.80	GIẢM	TĂNG		24.24			23.50	21.45	1.28%	
DLG	1.61	TĂNG	GIẢM	1.61	1.60	0.00%	MUA		1.65		
DRH	7.29	GIẢM	GIẢM		7.69				7.76		
DTD	15.20	GIẢM	TĂNG		16.12			12.90	14.20	17.83%	
EVG	2.62	TĂNG	GIẢM	2.80	2.58	-6.43%			3.02		
FIT	3.36	GIẢM	TĂNG		3.46			3.64	3.03	-7.69%	
GKM	15.10	TĂNG	GIẢM	15.00	14.73	0.67%			15.54		
HAH	15.00	GIẢM	TĂNG		15.66			13.00	13.89	15.38%	
HAI	1.62	GIẢM	GIẢM		1.69				1.92		
HAP	3.39	GIẢM	TĂNG		3.45			3.67	3.25	-7.63%	
HAR	3.69	TĂNG	GIẢM	3.56	3.50	3.65%			3.88		
HCD	3.45	GIẢM	GIẢM		3.58				4.02		
HDA	10.80	GIẢM	GIẢM		11.14				12.19		
HDC	22.15	TĂNG	TĂNG	22.15	22.01	0.00%	MUA	15.25	18.89	45.25%	
HHP	11.80	GIẢM	GIẢM		12.11				13.73		
HHS	2.88	GIẢM	GIẢM		2.96				3.24		
HII	11.40	GIẢM	GIẢM		11.58				12.29		
HQC	1.24	GIẢM	GIẢM		1.32				1.44		
HSL	9.39	TĂNG	TĂNG	8.10	8.94	15.93%		9.84	9.33	-4.57%	MUA
HUT	2.20	TĂNG	GIẢM	2.40	2.17	-8.33%			2.83		
HVG	2.98	GIẢM	GIẢM		3.09				3.75		
HVH	20.05	GIẢM	#N/A		21.64				#N/A		
JVC	3.05	TĂNG	TĂNG	2.76	2.96	10.51%		3.10	2.68	-1.61%	
KLF	1.20	GIẢM	GIẢM		1.37				1.49		
KMR	2.55	GIẢM	GIẢM		2.67				3.03		
LCG	9.25	TĂNG	GIẢM	9.60	9.10	-3.65%			10.55		
LGL	10.70	TĂNG	TĂNG	10.90	10.05	-1.83%		7.11	9.25	50.43%	
LHG	17.05	GIẢM	GIẢM		18.10			19.30	17.32	-10.26%	
LMH	16.65	GIẢM	#N/A		17.08			-	#N/A		
MST	3.10	TĂNG	GIẢM	2.80	2.83	10.71%			3.16		
NDN	16.80	GIẢM	TĂNG		17.62			13.10	16.27	28.20%	
PHC	12.55	GIẢM	GIẢM		12.70				13.48		



We Create Fortune

PVB	20.90	GIẢM	TĂNG		21.29			20.10	19.27	3.98%	
PVC	7.20	GIẢM	TĂNG		7.28			7.10	6.67	1.41%	
PXL	5.20	GIẢM	GIẢM		5.98				6.65		
PXS	5.09	GIẢM	GIẢM		5.45				6.13		
QBS	3.10	GIẢM	GIẢM		3.20				3.36		
SFG	7.20	GIẢM	GIẢM		8.05				10.40		
SHI	9.45	TĂNG	TĂNG	8.39	8.90	12.63%		6.23	8.30	51.62%	
SJF	2.37	GIẢM	GIẢM		2.62				3.54		
SKG	11.15	GIẢM	GIẢM		11.49				12.40		
TDH	10.30	TĂNG	TĂNG	9.40	9.67	9.57%		10.15	9.06	1.48%	
TIG	3.20	TĂNG	TĂNG	3.40	3.02	-5.88%		3.20	3.03	0.00%	
TLD	6.04	TĂNG	TĂNG	5.35	5.86	12.90%		5.99	4.95	0.83%	
TLH	4.55	GIẢM	GIẢM		4.80				5.13		
TNI	10.05	GIẢM	GIẢM		10.39				11.60		
TTF	2.92	TĂNG	GIẢM	3.00	2.83	-2.67%			3.48		
TTH	2.90	GIẢM	GIẢM		3.17				3.39		
TVB	16.90	GIẢM	GIẢM		17.32				18.55		
TVC	16.10	GIẢM	TĂNG		16.85			14.30	14.38	12.59%	
VC3	22.60	GIẢM	TĂNG		22.97			22.00	21.35	2.73%	
VCR	22.40	GIẢM	GIẢM		24.82				25.98		
VNE	3.59	TĂNG	GIẢM	3.35	3.24	7.16%			3.70		
VPG	22.70	TĂNG	TĂNG	21.40	21.34	6.07%		20.46	19.34	10.97%	
VRC	16.00	TĂNG	GIẢM	15.40	15.42	3.90%			16.26		
YBM	9.81	GIẢM	GIẢM		10.25				11.67		

We Create Fortune

Sàn GDCK TPHCM (HSX)

	Điểm	Chg%
VNI	989.86	0.27%
VN30	908.6	0.39%
VN Mid	975.23	0.54%
VN Small	809.13	0.20%

Sàn GDCK Hà Nội (HSX)

	Điểm	Chg%
HNI	102.21	0.01%
HN30	186.54	0.86%
VNX AllSh	877.37	0.38%

Sàn GDCK UPCoM (UPCoM)

	Điểm	Chg%
UPCoM	56.54	-0.32%

GDKN	GTGD (tỷ VND)	
Mua	526.32	
Bán	566.9	
GT ròng	-40.58	

GDKN	GTGD (tỷ VND)	
Mua	3.85	
Bán	9.54	
GT ròng	-5.69	

GDKN	GTGD (tỷ VND)	
Mua	27.51	
Bán	22.73	
GT ròng	4.79	

Mã tăng lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
IDI	400	6.73%
KDH	1550	6.47%
ASM	350	5.88%
TDC	370	4.01%
HDC	850	3.99%

Mã tăng lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
VCS	4100	4.67%
PVS	700	3.59%
SHB	100	1.59%
SHS	100	1.37%
VCR	200	0.90%

Mã tăng lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
NHH	4700	14.83%
BSR	500	5.68%
OIL	400	3.67%
MSR	600	3.37%
ACV	2300	3.13%

Mã giảm lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
SVI	-3100	-5.81%
YEG	-1700	-2.94%
HVN	-900	-2.63%
AAA	-400	-2.45%
HQC	-30	-2.36%

Mã giảm lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
TNG	-700	-3.80%
NVB	-200	-2.74%
TAR	-700	-2.27%
NDN	-300	-1.75%
DGC	-300	-1.12%

Mã giảm lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
HTM	-1100	-6.25%
NTC	-3100	-1.89%
NTC	-3100	-1.89%
IDC	-300	-1.65%
GVR	-100	-0.74%

\*GTVH > 500 tỷ đồng, GTDG > 1.5 tỷ đồng

GTVH cao nhất	Tỷ đồng	
VIC	409,542	
VCB	303,757	
VHM	294,757	
VNM	212,622	
GAS	193,309	

GTVH cao nhất	Tỷ đồng	
ACB	36,642	
VCS	13,767	
VCG	11,705	
PVS	9,320	
PVI	7,788	

GTVH cao nhất	Tỷ đồng	
ACV	160,081	
VGI	96,157	
VEA	69,770	
GVR	54,576	
MCH	51,269	

KLGD nhiều nhất	Giá trị	TB 30 ngày
ROS	18,710,080	21,210,529
TCB	12,170,250	4,034,851
HNG	7,889,980	1,547,881
EIB	5,570,275	3,409,735
HPG	5,400,470	5,250,592

KLGD nhiều nhất	Giá trị	TB 30 ngày
SHB	15,901,757	3,974,350
PVS	4,203,834	2,631,817
TNG	1,331,857	754,550
ACB	1,299,512	1,620,750
VC3	1,162,445	272,044

KLGD nhiều nhất	Giá trị	TB 30 ngày
BSR	3,753,282	1,347,506
GSM	1,729,900	86,500
PXL	757,475	740,038
VIB	634,311	660,191
VGI	533,890	640,018

Nguồn: Bloomberg & YSVN

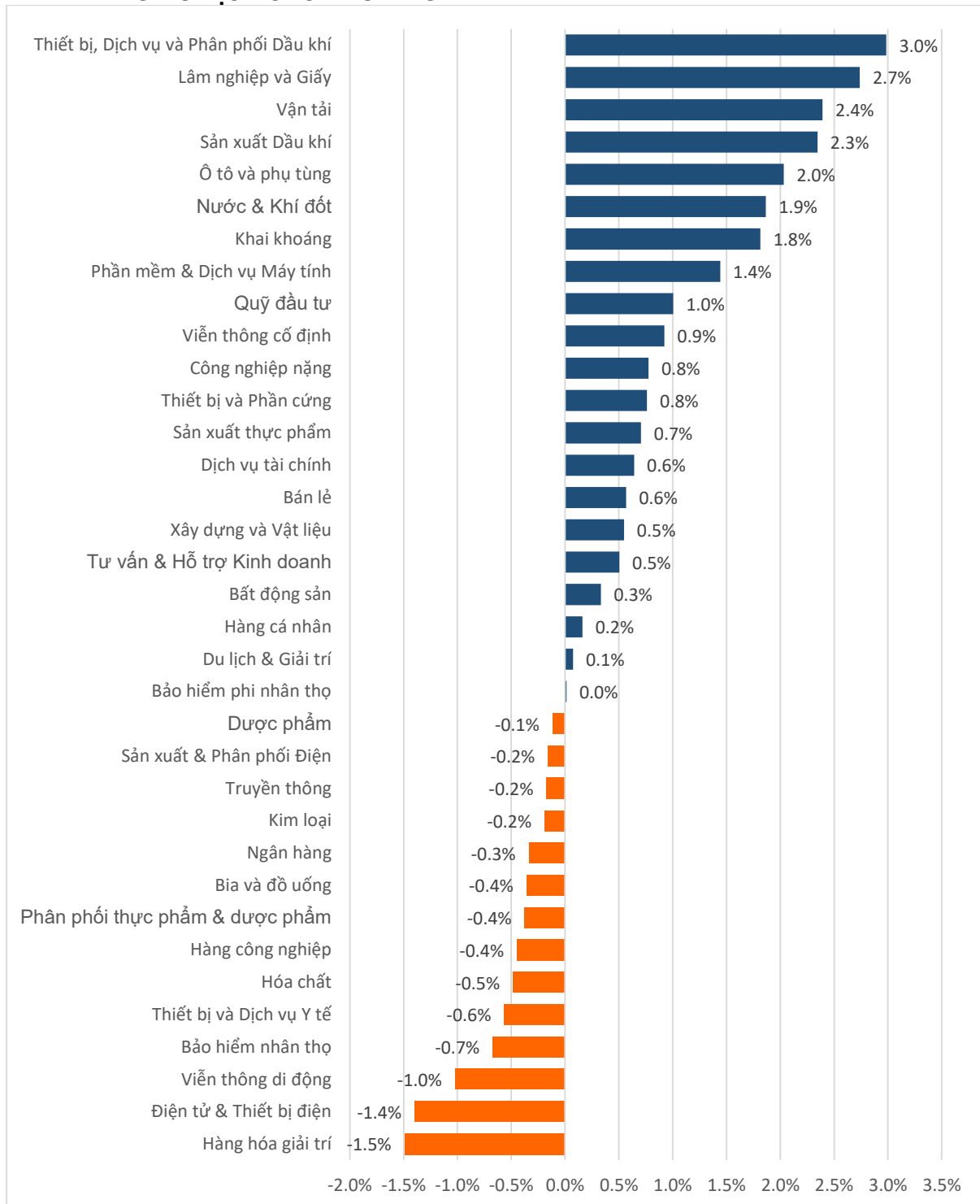
Nguồn: Bloomberg & YSVN

Nguồn: Bloomberg & YSVN



We Create **Fortune**

## DIỄN BIẾN GIAO DỊCH CÁC NHÓM NGÀNH



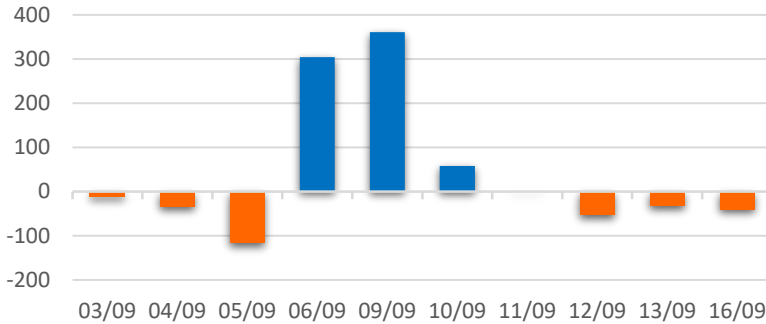
Nguồn: FiinPro – YSVN



We Create **Fortune**

## THỐNG KÊ GIAO DỊCH KHỐI NGOẠI

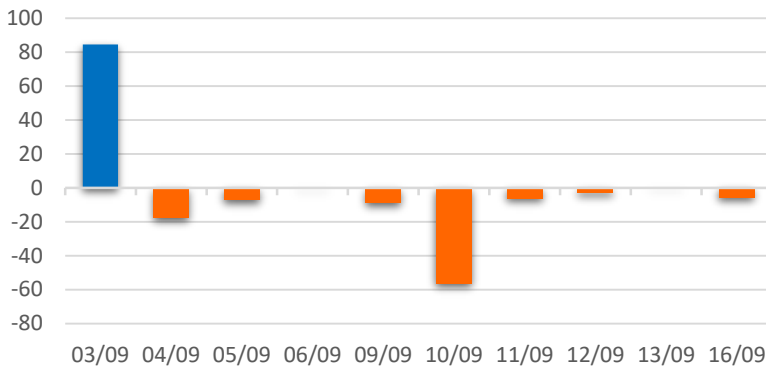
Diễn biến Mua/Bán ròng Khối ngoại HSX



Mã CK	Giá trị mua ròng (tr. VND)	Mã CK	Giá trị Bán ròng (tr. VND)
VJC	59,785	VNM	36,925
HPG	36,374	VRE	28,690
MSN	9,214	VHM	16,639
DXG	6,816	VCB	12,633
PLX	5,614	KDH	11,153

TOP 5 Cổ phiếu khối ngoại Mua/Bán trên sàn HSX

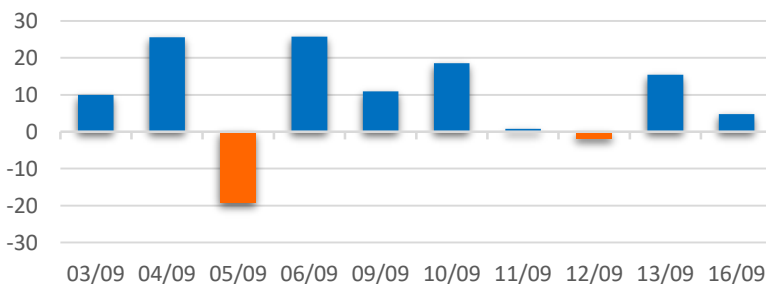
Diễn biến Mua/Bán ròng Khối ngoại HNX



Mã CK	Giá trị mua ròng (tr. VND)	Mã CK	Giá trị Bán ròng (tr. VND)
SHB	1,817	PVS	7,314
DGC	323	CEO	708
PVI	300	PVG	286
SRA	147	DHT	172
AMV	129	BVS	168

TOP 5 Cổ phiếu khối ngoại Mua/Bán trên sàn HNX

Diễn biến Mua/Bán ròng Khối ngoại  
UPCOM



Mã CK	Giá trị mua ròng (tr. VND)	Mã CK	Giá trị Bán ròng (tr. VND)
QNS	3,264	BSR	3,004
MCH	2,540	VEA	1,848
VTP	2,218	CTR	380
ACV	1,898	EVF	253
VGI	367	CTR	384

TOP 5 Cổ phiếu khối ngoại Mua/Bán trên sàn UPCoM

Nguồn: FiinPro – YSVN



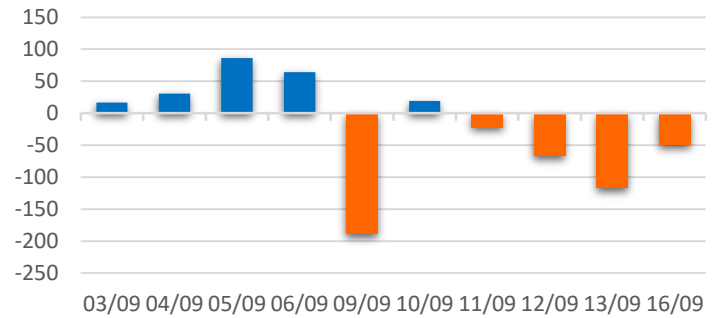
We Create **Fortune**

## THỐNG KÊ GIAO DỊCH TỰ DOANH

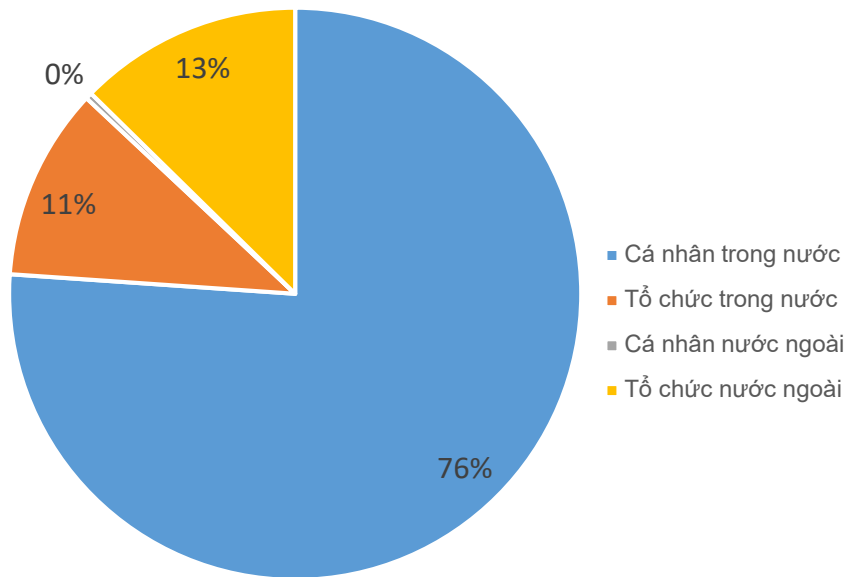
Mã CK	Giá trị mua ròng (tr. VND)	Mã CK	Giá trị Bán ròng (tr. VND)
<b>MWG</b>	16,893	<b>MWG</b>	31,140
<b>E1VFN30</b>	5,717	<b>E1VFN30</b>	8,236
<b>VNM</b>	2,415	<b>HPG</b>	6,522
<b>CTG</b>	2,095	<b>VHM</b>	3,413
<b>GMD</b>	1,230	<b>HSG</b>	2,837

Top 5 các mã đạt GDTD lớn nhất

Giá trị giao dịch tự doanh mua/bán ròng (tỷ đồng)



## CƠ CẤU THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN VIỆT NAM

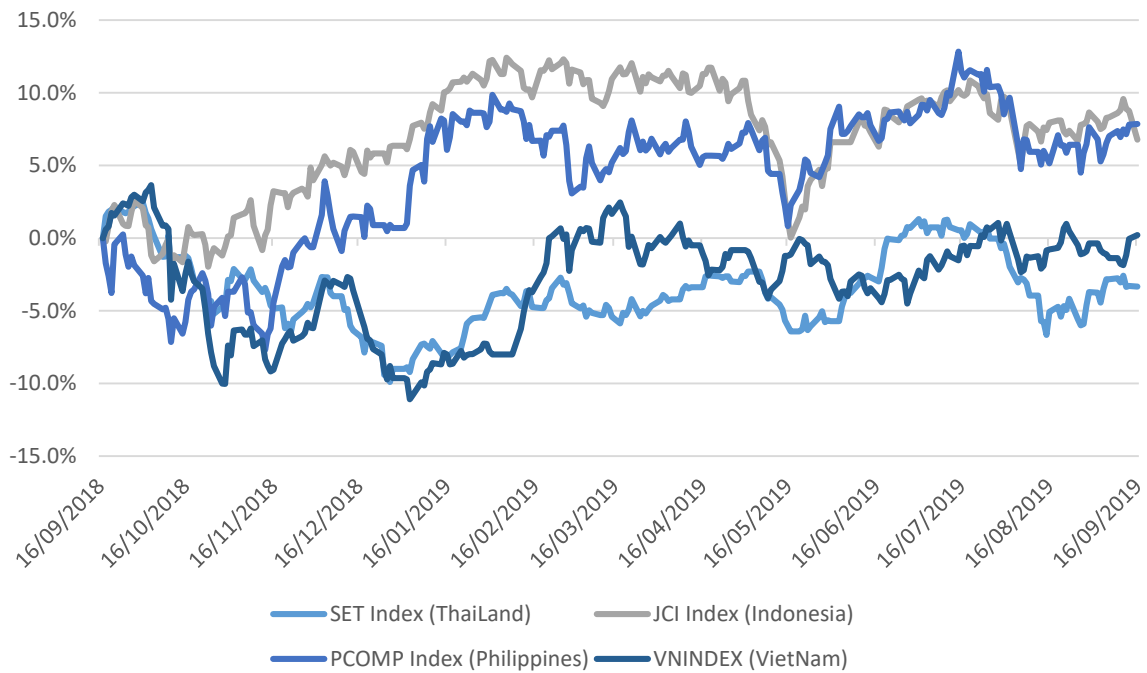


Nguồn: FiinPro – YSVN



We Create Fortune

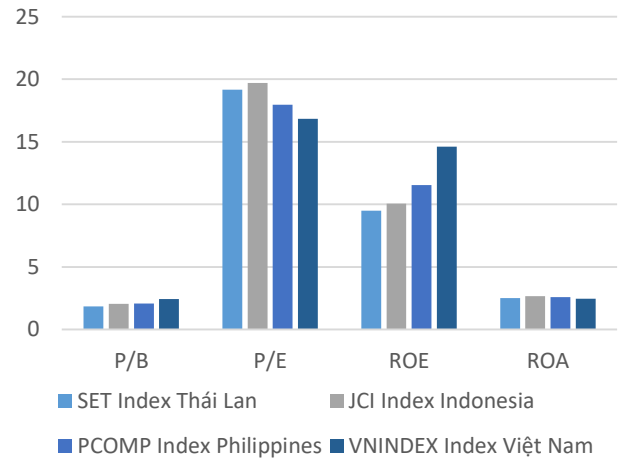
### Diễn biến các thị trường trong khu vực



#### Dữ liệu thị trường các quốc gia trong khu vực

		Thái Lan	Indonesia	Philippines	Việt Nam
P/B		1.8x	2.0x	2.1x	2.4x
P/E		19.2x	19.7x	18.0x	16.8x
ROE	%	9.49	10.05	11.54	14.62
ROA	%	2.50	2.67	2.59	2.45
Vốn hóa	Tỷ USD	560.93	519.57	191.34	143.73
GTGD	Triệu USD	1.40	0.40	0.06	0.14
LS cổ tức	%	3.06	2.47	1.63	1.78

Nguồn: Bloomberg & YSVN





We Create **Fortune**

## CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN YUANTA VIỆT NAM

### Phòng phân tích khối khách hàng cá nhân

**Nguyễn Thế Minh**

**Giám đốc Nghiên cứu Phân tích**

+84 28 3622 6868 ext 3826

minh.nguyen@yuanta.com.vn

**Quách Đức Khánh**

**Chuyên viên phân tích cao cấp**

+84 28 3622 6868 ext 3833

khanh.quach@yuanta.com.vn

**Nguyễn Trịnh Ngọc Hồng**

**Chuyên viên phân tích**

+84 28 3622 6868 ext 3832

hong.nguyen@yuanta.com.vn

**Phạm Tấn Phát**

**Chuyên viên phân tích cao cấp**

+84 28 3622 6868 ext 3880

phat.pham@yuanta.com.vn

**Đặng Phi Phôn**

**Chuyên viên phân tích**

+84 28 3622 6868 ext 3893

phon.dang@yuanta.com.vn

### Phòng Môi giới khách hàng cá nhân

**Nguyễn Thanh Tùng**

**Giám đốc Môi giới Hội Sở**

+84 28 3622 6868 ext 3609

tung.nguyen@yuanta.com.vn

**Chung Kim Hoa**

**Giám đốc Khối khách hàng người Hoa**

+84 28 3622 6868 ext 3828

hoa.chung@yuanta.com.vn

**Phù Vĩnh Quế**

**Giám đốc chi nhánh Chợ Lớn**

+84 28 3622 6868

que.phu@yuanta.com.vn

**Nguyễn Việt Quang**

**Giám đốc chi nhánh Hà Nội**

+84 28 3622 6868 ext 3404

quang.nguyen@yuanta.com.vn

**Võ Thị Thu Thủy**

**Giám đốc chi nhánh Bình Dương**

+84 28 3622 6868 ext 3505

thuy.vo@yuanta.com.vn

**Bùi Quốc Phong**

**Giám đốc chi nhánh Đồng Nai**

+84 28 3622 6868

phong.bui@yuanta.com.vn

**Nguyễn Đức Hoàn**

**Giám đốc trung tâm kinh doanh  
Nam Hà Nội**

+84 28 3622 6868 ext 3409

hoan.nguyen@yuanta.com.vn

**Võ Đình Tuấn**

**Giám đốc Chi Nhánh Đà Nẵng**

+84 28 3622 6868 ext 3301

tuan.vo@yuanta.com.vn



We Create **Fortune**

## Appendix A: Important Disclosures

### Analyst Certification

Each research analyst primarily responsible for the content of this research report, in whole or in part, certifies that with respect to each security or issuer that the analyst covered in this report: (1) all of the views expressed accurately reflect his or her personal views about those securities or issuers; and (2) no part of his or her compensation was, is, or will be, directly or indirectly, related to the specific recommendations or views expressed by that research analyst in the research report.

### Ratings Definitions

**BUY:** We have a positive outlook on the stock based on our expected absolute or relative return over the investment period. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile. We recommend investors add to their position.

**HOLD-Outperform:** In our view, the stock's fundamentals are relatively more attractive than peers at the current price. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile.

**HOLD-Underperform:** In our view, the stock's fundamentals are relatively less attractive than peers at the current price. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile.

**SELL:** We have a negative outlook on the stock based on our expected absolute or relative return over the investment period. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile. We recommend investors reduce their position.

**Under Review:** We actively follow the company, although our estimates, rating and target price are under review.

**Restricted:** The rating and target price have been suspended temporarily to comply with applicable regulations and/or Yuanta policies.

Note: Yuanta research coverage with a Target Price is based on an investment period of 12 months. Greater China Discovery Series coverage does not have a formal 12 month Target Price and the recommendation is based on an investment period specified by the analyst in the report.

### Global Disclaimer

© 2018 Yuanta. All rights reserved. The information in this report has been compiled from sources we believe to be reliable, but we do not hold ourselves responsible for its completeness or accuracy. It is not an offer to sell or solicitation of an offer to buy any securities. All opinions and estimates included in this report constitute our judgment as of this date and are subject to change without notice.

This report provides general information only. Neither the information nor any opinion expressed herein constitutes an offer or invitation to make an offer to buy or sell securities or other investments. This material is prepared for general circulation to clients and is not intended to provide tailored investment advice and does not take into account the individual financial situation and objectives of any specific person who may receive this report. Investors should seek financial advice regarding the appropriateness of investing in any securities, investments or investment strategies discussed or recommended in this report. The information contained in this report has been compiled from sources believed to be reliable but no representation or warranty, express or implied, is made as to its accuracy, completeness or correctness. This report is not (and should not be construed as) a solicitation to act as securities broker or dealer in any jurisdiction by any person or company that is not legally permitted to carry on such business in that jurisdiction.

Yuanta research is distributed in the United States only to Major U.S. Institutional Investors (as defined in Rule 15a-6 under the Securities Exchange Act of 1934, as amended and SEC staff interpretations thereof). All transactions by a US person in the securities mentioned in this report must be effected through a registered broker-dealer under Section 15 of the Securities Exchange Act of 1934, as amended. Yuanta research is distributed in Taiwan by Yuanta Securities Investment Consulting. Yuanta research is distributed in Hong Kong by Yuanta Securities (Hong Kong) Co. Limited, which is licensed in Hong Kong by the Securities and Futures Commission for regulated activities, including Type 4 regulated activity (advising on securities). In Hong Kong, this research report may not be redistributed, retransmitted or disclosed, in whole or in part or in any form or manner, without the express written